

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ BẢO HÀ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ BẢO HÀ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAO HA ENTERTAINMENT AND MEDIA PRODUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BAO HA ENMEPRO .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108406358

**3. Ngày thành lập:** 20/08/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 3 ngõ chùa Liên Hoa, Phố Khâm Thiên, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02435188856

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                 | 4742     |
| 2.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7310     |
| 3.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo)                                                                                                                                                                                                                   | 8230     |
| 4.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1811     |
| 5.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                          | 5610     |
| 6.  | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                      | 5629     |
| 7.  | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                     | 7912     |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi                                                                                                                                                                                                                                               | 0162     |
| 9.  | Bán buôn gạo                                                                                                                                                                                                                                                              | 4631     |
| 10. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn thủy sản; Bán buôn rau, quả; Bán buôn cà phê; Bán buôn chè; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Bán buôn thực phẩm khác | 4632     |
| 11. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại khác (trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu)                                                                                                                                            | 4662     |
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                    | 4653     |
| 13. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                            | 4330     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 14. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng); Vận tải hàng hóa bằng xe lam, xe lô, xe công nông; Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác                                     | 4933        |
| 15. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                     | 8299        |
| 16. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>(trừ hoạt động của các nhà Báo)                                                                                                                                                                                                                                  | 7420        |
| 17. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5912        |
| 18. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình                                                                                                                                                                                                               | 5913        |
| 19. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                             | 8552        |
| 20. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa được phân vào đâu | 7730        |
| 21. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                                                                               | 1820        |
| 22. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                                                                           | 5621        |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                       | 5229        |
| 24. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                                  | 4620        |
| 25. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                              | 4290        |
| 26. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, Hoạt động sản xuất phim video, Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình                                                                                      | 5911        |
| 27. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu                                                                                                                                | 4649        |
| 28. | Dịch vụ liên quan đến in<br>(trừ rập khuôn tem)                                                                                                                                                                                                                                         | 1812        |
| 29. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự                                                                 | 5510        |
| 30. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                     | 4931        |
| 31. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>(trừ hoạt động của các nhà Báo)                                                                                                                                                                                                           | 9000(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 32. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2592 |
| 33. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7911 |
| 34. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7920 |
| 35. | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 0150 |
| 36. | Chăn nuôi khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 0149 |
| 37. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4100 |
| 38. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chẻ biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                   | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM VĂN QUANG     | Khu 5, Thị trấn Yên Định, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                                       | Cổ phần phổ thông | 340.000    | 3.400.000.000         | 34,000    | 0360870056<br>61                                                                            |         |
|     |                    |                                                                                                        | Tổng số           | 340.000    | 3.400.000.000         | 34,000    |                                                                                             |         |
| 2   | PHẠM KHẮC HÀO      | Số 10 ngõ chùa Liên Hoa, đường Khâm Thiên, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 330.000    | 3.300.000.000         | 33,000    | 0363790060<br>28                                                                            |         |
|     |                    |                                                                                                        | Tổng số           | 330.000    | 3.300.000.000         | 33,000    |                                                                                             |         |
| 3   | BÙI LÊ HƯƠNG GIANG | Số 10 ngõ chùa Liên Hoa, đường Khâm Thiên, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 330.000    | 3.300.000.000         | 33,000    | 0311820053<br>54                                                                            |         |
|     |                    |                                                                                                        | Tổng số           | 330.000    | 3.300.000.000         | 33,000    |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

Thời gian đăng từ ngày 27/08/2018 đến ngày 26/09/2018

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM VĂN QUANG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 26/10/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036087005661

Ngày cấp: 22/08/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 5, Thị trấn Yên Định, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 3 ngõ chùa Liên Hoa, Phố Khâm Thiên, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội